

Số: 08/2020/QĐST- DS

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 25/DSST ngày 20/2/2020 về việc “Kiện đòi tài sản”

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Thiên Thị L, sinh năm 1962.

HKTT: Tổ 5, xóm 8, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

* **Bị đơn:**

1. Ông Trương Tiến N, sinh năm 1975.

2. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1977.

HKTT: Xóm SC, xã CS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Nguyễn Chí Y, sinh năm 1960 (chồng bà Lê).

HKTT: Tổ 5, xóm 8, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo ủy quyền của ông Yên: Bà Thiên Thị L, sinh năm 1962.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán: Hai bên thống nhất vợ chồng ông Trương Tiến N, bà Lê Thị L1 có trách nhiệm trả nợ cho bà Thiên Thị L và ông Nguyễn Chí Y tổng số tiền đã vay tính đến 7/5/2020 là 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng) không bao gồm lãi suất.

2.2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán:

Vợ chồng ông Trương Tiến N, bà Lê Thị L1 có trách nhiệm phải thanh toán cho bà Thiên Thị L và ông Nguyễn Chí Y tổng số tiền 138.000.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu đồng) một lần ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (Ngày 15/5/2020).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Án phí: Ông, bà Trương Tiến N, Lê Thị L1 nhận nộp 3.450.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước. Hoàn lại cho bà Thiên Thị L 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002728 ngày 20/2/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân

